

Bản án số: 415/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Dũng

2. Bà Phạm Thị Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 896/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn V – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 11/6C Quốc lộ 22, ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Yến T – sinh năm 1991

Địa chỉ: 153/45-46 đường X, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Yến T vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/8/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Huỳnh Tấn V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Yến T tự

nguyện kết hôn với nhau năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 120 do UBND Phường M, quận B cấp ngày 11/8/2010), bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã mất. Quá trình chung sống không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, nên từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 1 con chung là Huỳnh Thị Mai L – sinh ngày 21/11/2010. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho bà T để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn – bà Nguyễn Thị Yến T vắng mặt.

Nguyên đơn – ông Huỳnh Tấn V trình bày: Quá trình chung sống do không hòa hợp về tính cách, cách cư xử trong gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã ly thân nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T, được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trang có nơi cư trú tại quận Tân Bình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông V thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông V có mặt. Bị đơn – bà T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trang theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 120 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/8/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông V yêu cầu được ly hôn với bà T vì quá trình chung sống không hạnh phúc, từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã ly thân.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ bà T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông V, bà T ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V, cho ông V được ly hôn bà T để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 6 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2011 thì cháu Huỳnh Thị Mai L – sinh ngày 21/11/2010 là con chung ông Huỳnh Tấn V và bà Nguyễn Thị Yến T.

Ông V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Bà T không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu của ông V nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T về việc nuôi dưỡng trẻ L. Quá trình giải quyết vụ án cháu L có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của trẻ L Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V, quyết định giao cháu L cho ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu bà Trang cấp dưỡng nuôi cháu L do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L đối với bà T do ông V không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này bà T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông Vinh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cân trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Huỳnh Tấn Vinh.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Tấn V được ly hôn bà Nguyễn Thị Yến T.

b. Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Mai L – sinh ngày 21/11/2010 cho ông Huỳnh Tấn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị Mai L đối với bà Nguyễn Thị Yến T do ông Huỳnh Tấn V không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Tấn V trình bày không có, nếu sau này bà Nguyễn Thị Yến T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Huỳnh Tấn V chịu, được cân trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Tấn V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031984 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Tấn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Yến T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương